

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Công Bằng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Khuu Liên Dung.

- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Minh Muội - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: **Số C, đường P, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: **ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.**

(Chị T, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị Mỹ T** trình bày:* Chị **T** và anh **T1** tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.** Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau khi chị **T** sinh em bé được hơn 03 tháng thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh **T1** không chí

thú làm ăn, chỉ biết ăn chơi, không chăm lo cho gia đình, chỉ ở nhà chơi game online và mắc nợ, chị **T** phải đứng ra trả nợ thay cho anh **T1**, từ đó dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng luôn cự cãi với nhau. Từ tháng 3/2021 cho đến nay thì anh **T1** đã bỏ nhà đi, không có liên lạc gì với vợ con, một mình chị **T** phải chăm sóc con nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể sống chung được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Huỳnh Văn T1**.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh **T1** có 01 con chung là cháu **Huỳnh Trọng N**, sinh ngày 17/11/2014, hiện tại cháu đang sống cùng chị, khi ly hôn chị **T** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **N**, không yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **T1** nhưng anh **T1** đều vắng mặt và không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **T**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Chị **T** và anh **T1** chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng đến nay đã xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, cũng đã sống ly thân một thời gian nhưng không hàn gắn được mâu thuẫn, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T**.

Về con chung: Hiện nay cháu **Huỳnh Trọng N**, sinh ngày 17/11/2014 đang sống với chị **T**, cũng nhằm tránh xáo trộn tâm lý của cháu và theo nguyện vọng của cháu, nên chấp nhận giao cháu **Trọng N** cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng. Do các đương sự không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Chị **Trần Thị Mỹ T** phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Trần Thị Mỹ T** yêu cầu ly hôn với anh **Huỳnh Văn T1** có nơi cư trú tại **ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu** nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Trần Thị Mỹ T** có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/5/2024 nộp tại Tòa án, xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị **T** là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật, nên được chấp nhận. Quá trình Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý vụ án đã triệu tập, thông báo cho anh **Huỳnh Văn T1** tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và triệu tập xét xử nhưng anh **Huỳnh Văn T1** đều vắng mặt, kể cả ngày hôm nay (ngày 03/7/2024); cho thấy anh **Huỳnh Văn T1** cố tình trốn tránh. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự; áp dụng Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung khởi kiện: Nguyên đơn chị **Trần Thị Mỹ T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Huỳnh Văn T1**.

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Mỹ T** và anh **Huỳnh Văn T1** tự nguyện tiến tới hôn nhân từ năm 2014, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 185, quyển số 01/2014, vào ngày 08/10/2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị Mỹ T**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân được xây dựng trên mối quan hệ tình cảm vợ chồng và các thành viên trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo chị **T** xác định quá trình chung sống vợ chồng thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh **T1** không chí thú làm ăn, chỉ biết ăn chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình, chỉ ở nhà chơi game online và mắc nợ, từ tháng 3/2021 anh **T2** đã bỏ nhà đi, không quan tâm gì đến vợ con, cuộc sống gia đình. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh **T1** đến Tòa án, nhưng anh **T1** đều không có ý kiến cũng như không đến Tòa án, cho thấy anh **T1** không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị **T**. Ngoài ra, tại biên bản xác minh, đại diện

chính quyền địa phương nơi anh **T1** sinh sống xác nhận vợ chồng chị **T** và anh **T1** có xảy ra mâu thuẫn hôn nhân hay không thì chính quyền không nắm được do không ai trình báo với địa phương nhưng giữa chị **T** và anh **T1** có sống ly thân là xảy ra thực tế. Hội đồng xét xử thấy rằng, chỉ vì bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng mà cả hai không có biện pháp hàn gắn, làm cho đời sống vợ chồng ngày càng xa cách hơn, đời sống chung không còn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị Mỹ T** đối với anh **Huỳnh Văn T1** như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ.

[3.2] *Về con chung*: Theo lời trình bày của chị **T** phù hợp với giấy khai sinh và biên bản xác minh của chính quyền địa phương cho thấy giữa chị **T** và anh **T1** chung sống với nhau có 01 người con chung là cháu **Huỳnh Trọng N**, sinh ngày 17/11/2014; Hội đồng xét xử xét thấy cháu **N** hiện đang sống cùng với chị **T**, để không làm xáo trộn đời sống của cháu cũng như theo nguyện vọng của cháu tại bản tự khai ngày 24/4/2024, vì vậy cần giao cháu **Huỳnh Trọng N** cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định pháp luật. Anh **Huỳnh Văn T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị **T**, không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên, chị **T** vẫn có quyền yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị **T** xác định chị và anh **T1** không có tài sản chung, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] *Về nợ chung*: Chị **T** xác định chị và anh **T1** không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] *Về án phí*: Chị **Trần Thị Mỹ T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 207, Điều 227, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1./ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị Mỹ T** được ly hôn với anh **Huỳnh Văn T1**.

2./ Về con chung: Giao cháu **Huỳnh Trọng N**, sinh ngày 17/11/2014 cho chị **Trần Thị Mỹ T** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, (hiện tại cháu **N** đang sống chung với chị **T** nên được giữ nguyên). Anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu. Anh **Huỳnh Văn T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3./ Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Mỹ T** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4./ Về nợ chung: Chị **Trần Thị Mỹ T** xác định vợ chồng không có nợ tài sản gì của ai và không ai nợ tài sản gì của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5./ Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị **Trần Thị Mỹ T** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị **Trần Thị Mỹ T** đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002542 ngày 04/4/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án sơ thẩm xử công khai, chị **Trần Thị Mỹ T**, anh **Huỳnh Văn T1** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khuru Liên Dung

Lâm Thị Nguyệt Hồ

Bùi Công Bằng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**